

NGHỊ QUYẾT

Quy định các đối tượng khác ngoài các đối tượng quy định tại khoản 3 và khoản 4, Điều 9 Luật Việc làm số 74/2025/QH15 được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội với mức lãi suất thấp hơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ khoản 8, Điều 9 Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày... /../2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân quy định các đối tượng khác ngoài các đối tượng quy định tại khoản 3 và khoản 4, Điều 9 Luật Việc làm số 74/2025/QH15 được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách Xã hội với mức lãi suất thấp hơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định các đối tượng khác ngoài các đối tượng quy định tại khoản 3 và khoản 4, Điều 9 Luật Việc làm số 74/2025/QH15 được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách Xã hội với mức lãi suất thấp hơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định việc cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm; cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho vay.

2. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Đắk Lắk và các Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội thuộc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Lắk;

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và thực hiện chính sách cho vay vốn duy trì, mở rộng việc làm, tạo việc làm; vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động của tỉnh

Đắc Lắc bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách Xã hội.

4. Việc cho vay bằng nguồn vốn trung ương không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Người lao động cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc từ đủ 12 trở lên thuộc các đối tượng dưới đây:

1. Người có đất thu hồi thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật về đất đai;
2. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;
3. Thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện Chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;
4. Tri thức trẻ tình nguyện sau khi hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng;
5. Người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống ngoài địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh Đắc Lắc.
6. Người thuộc hộ khó khăn về kinh tế do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh có xác nhận của chính quyền địa phương cấp xã nơi cư trú.
7. Sinh viên, học sinh, học viên tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; học sinh đi du học nghề ở nước ngoài tốt nghiệp trở về nước.

Điều 3. Mục đích cho vay

Nhằm hỗ trợ cho người lao động có việc làm, có thu nhập bền vững trong nước hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ thiếu việc làm, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, của tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc cho vay

1. Người được vay vốn phải sử dụng tiền vay đúng mục đích; trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng và quy định của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội bảo đảm cho vốn đúng đối tượng thụ hưởng; việc cho vay được thực hiện đảm bảo công khai và minh bạch.

Điều 5. Điều kiện cho vay

Người được vay vốn phải có đủ các điều kiện sau:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
2. Cư trú hợp pháp tại tỉnh Đắc Lắc từ đủ 12 tháng trở lên.
3. Đối với hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm phải có Phương án

sử dụng vốn vay để tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm. Vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải có Hợp đồng lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 6. Đối tượng cho vay

Người lao động cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ đủ 12 tháng trở lên thuộc một trong các đối tượng quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này.

Điều 7. Mức cho vay, bảo đảm tiền vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

1. Mức cho vay

- Đối với vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm, tạo việc làm: Mức vay theo nhu cầu của người vay nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/lao động;

- Đối với vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Mức cho vay tối đa bằng 100% tổng chi phí ghi trong Hợp đồng lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng đã ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, không bao gồm các khoản chi phí đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại điều 30 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ.

2. Bảo đảm tiền vay

Áp dụng theo quy định của pháp luật về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với nguồn vốn trung ương.

3. Thời hạn cho vay

- Đối với vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm: Thời hạn cho vay tối đa là 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, khả năng trả nợ của người vay để thỏa thuận.

- Đối với vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Thời hạn cho vay tối đa bằng thời hạn Hợp đồng đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, không bao gồm thời gian gia hạn Hợp đồng.

4. Lãi suất cho vay

- Lãi suất vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm; vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định;

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

5. Mục đích sử dụng vốn vay

- Đối với vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm,: Tạo việc làm có thu nhập bền vững cho người lao động.

- Đối với vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Để chi trả các khoản chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo quy định được ghi trong Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa khách hàng và doanh nghiệp, tổ chức.

Để chi trả các khoản chi phí ban đầu trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

6. Phương thức cho vay, hồ sơ thủ tục vay vốn

Áp dụng theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội đối cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với nguồn vốn trung ương.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp xã) ủy thác cho Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho vay.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những người lao động đã vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ); Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây), kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đang còn dư nợ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay và lãi suất vay theo cam kết ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Đắk Lắk (nơi vay vốn).

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026. Bãi bỏ Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định cho vay vốn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động tỉnh Phú Yên bằng nguồn vốn địa phương; khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc áp dụng và bãi bỏ các Nghị

quyết quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Nội vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khóa XI, kỳ họp thứ 1 thông qua ngày ... tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc Hội;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Báo và PT-TH Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử/Sở Nội vụ;
- Lưu: VT.....

CHỦ TỊCH

